

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH:

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số **05/2005/QĐ-BTC** ngày **18/01/2005** về việc thuế suất thuế nhập khẩu đối với mặt hàng xe máy nhập khẩu có nguồn gốc từ EU.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 26/12/1991 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 05/7/1993; số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Căn cứ Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng đồng Châu Âu ký tắt ngày 03/12/2004 về tiếp cận thị trường;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 75/CP-QHQT ngày 16/12/2004;

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Thương mại tại Công văn số 494/TM-KV2 ngày 22/12/2004 và theo đề nghị của Vụ Chính sách thuế,

Điều 1. 3.500 (ba nghìn năm trăm) chiếc xe hai bánh gắn máy nguyên chiếc (CBU) các loại (thuộc nhóm 8711 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi) nhập khẩu (không bao gồm 3.000 xe thực hiện theo mức thuế suất thuế nhập khẩu quy định tại Quyết định số 17/2004/QĐ-BTC ngày 12/02/2004 của Bộ Tài chính) có xuất xứ từ các nước thuộc Cộng đồng Châu Âu (EU) được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu là 70% (bảy mươi phần trăm).

Điều 2. Để được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu quy định tại Quyết định này hàng hóa nhập khẩu phải thỏa mãn các điều kiện:

- Có giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) do cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên EU cấp;

- Vận tải đơn thể hiện hàng được vận chuyển từ cảng EU.

Trên cơ sở hạn ngạch do Bộ Thương mại cấp cho từng doanh nghiệp, cơ quan Hải quan sẽ tiến hành theo dõi làm thủ tục nhập khẩu và tính thuế cho các doanh nghiệp. Số lượng xe hai bánh gắn máy nhập khẩu vượt hạn ngạch 3.500 chiếc hoặc những doanh nghiệp không được cấp hạn ngạch khi nhập khẩu phải thực hiện nộp thuế theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành và áp dụng cho các Tờ khai hàng

hóa nhập khẩu nộp cho cơ quan Hải quan sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Trương Chí Trung

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 07/2005/QĐ-BTC ngày 18/01/2005 quy định mức thu, việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thư viện áp dụng tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 06/8/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thư viện;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi có ý kiến của Bộ Văn hóa - Thông tin (tại Công văn số 3511/VHTT-KHTC ngày 23/9/2004);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đọc tài liệu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam phải nộp phí thư viện theo mức thu là 30.000 (ba mươi nghìn) đồng/thẻ/năm.

Điều 2. Tiền thu phí thư viện quy định tại Quyết định này là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

1. Thư viện Quốc gia Việt Nam (đơn vị thu phí) được trích 90% (chín mươi phần trăm) số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo nội dung chi cụ thể sau đây:

a) Chi trả các khoản tiền lương hoặc tiền công, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo tiền lương, tiền công, theo chế độ hiện hành cho lao động trực tiếp thu phí (không bao gồm chi phí tiền lương cho cán bộ công chức đã được hưởng tiền lương theo chế độ quy định hiện hành);

b) Chi phí trực tiếp phục vụ cho việc thu phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, điện thoại, điện, nước, công tác phí, công vụ phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành;

c) Chi hỗ trợ sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho công tác thu phí;

d) Chi làm thẻ bạn đọc (thẻ nhựa), mực in, giấy hện, chụp ảnh làm thẻ và chi mua sắm vật tư, nguyên liệu, các khoản